

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐỒNG NAI **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 20 /2006/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 08 tháng 3 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ
công trình cấp nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 20 tháng 5 năm 1998;

Căn cứ Nghị định 126/2004/NĐ-CP ngày 26 tháng 05 năm 2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và quản lý sử dụng nhà;

Căn cứ quyết định số 565/BXD-KHKT ngày 15 tháng 11 năm 1984 của Bộ Xây dựng ban hành Điều lệ tạm thời về bảo vệ các công trình cấp nước và quản lý khai thác, cung cấp, sử dụng nước;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình Số 40/TTr-SXD ngày 17 tháng 01 năm 2006 và Báo cáo thẩm định số: 14/BC-STP ngày 19 tháng 01 năm 2006 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn Tỉnh Đồng Nai”.

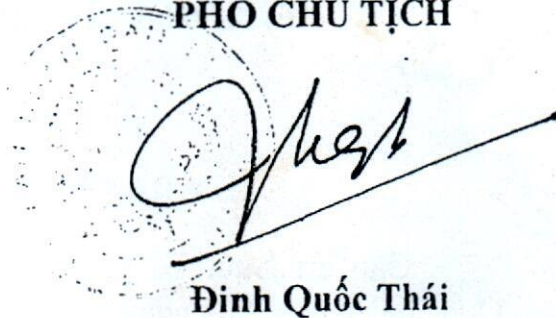
Điều 2: Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3: Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các Huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Giám đốc Doanh nghiệp cấp nước, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống, hoạt động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân Tỉnh;
- Thường trực Ủy ban nhân dân Tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Tỉnh;
- Các Đoàn thể;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các ban Hội đồng nhân dân Tỉnh;
- Báo, đài ĐN (để đưa thông tin và tuyên truyền);
- Lưu VT-TH (CN)



Đinh Quốc Thái

QUY ĐỊNH

**Về cung cấp, sử dụng nước và bảo công trình cấp nước
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 20 /2006/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định quyền và nghĩa vụ của Doanh nghiệp cấp nước và các tổ chức, cá nhân sử dụng nước, trách nhiệm của cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân trong công tác bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với :

1. Việc cung cấp và sử dụng nước giữa các đơn vị cấp nước (gọi là doanh nghiệp cấp nước) với các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân sử dụng nước (gọi là khách hàng) cho mọi mục đích.

2. Việc bảo vệ công trình cấp nước, hành lang và khu vực an toàn công trình cấp nước.

Điều 3. Giá nước

Giá nước máy do UBND tỉnh quyết định căn cứ vào mục đích sử dụng nước và được điều chỉnh theo từng thời kỳ.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau :

1. “Doanh nghiệp cấp nước” là doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế hoặc cá nhân có đăng ký kinh doanh hoạt động chuyên ngành cung cấp nước sạch.

2. “Khách hàng” là tổ chức, cá nhân, cơ quan, đơn vị sử dụng nước của doanh nghiệp cấp nước theo Hợp đồng cung cấp nước và sử dụng nước.

3. “Hợp đồng cung cấp và sử dụng nước” là thỏa thuận giữa doanh nghiệp cấp nước và khách hàng, theo đó doanh nghiệp cấp nước cung cấp nước cho khách hàng để sử dụng, còn khách hàng phải trả tiền sử dụng nước.

4. “Nước thô” là nước lấy từ nguồn tự nhiên chưa qua xử lý.

5. “Nước máy” là nước sạch, đã qua quá trình xử lý, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng vệ sinh theo quy định của Nhà nước.

6. “Đường ống nước thô” là đường ống dẫn nước chưa qua quá trình xử lý. Đường ống nước thô có thể đi trên mặt đất, dưới mặt đất, dưới mặt nước.

7. “Đường ống truyền tải nước sạch” là đường ống dẫn nước đã qua quá trình xử lý, tính từ nhà máy nước đến đầu mạng lưới đường ống phân phối nước. Đường ống truyền tải nước sạch có thể đi trên mặt đất, dưới mặt đất, dưới mặt nước.

8. “Ống chính” là đường ống phân phối nước.

9. “Ống nhánh” là ống dẫn nước, nối từ ống chính vào đến đồng hồ nước.

10. “Hệ thống cấp nước” là tập hợp các công trình thu nước, trạm bơm nước, nhà máy nước và mạng lưới cấp nước.

11. “Mạng lưới cấp nước” là toàn bộ mạng lưới các đường ống chính, ống nhánh, đồng hồ nước, hố van, khóa và các thiết bị cấp nước phụ trợ khác do doanh nghiệp cấp nước quản lý.

12. “Đồng hồ nước” là dụng cụ để đo lượng nước (tính bằng m³) được gán tại một công trình, nhà ở, nhà máy, xí nghiệp ... theo hợp đồng của doanh nghiệp cấp nước và khách hàng.

13. “Công trình thu nước” là toàn bộ công trình có chức năng thu nước thô cấp cho nhà máy nước.

14. “Trạm bơm nước thô hay trạm bơm cấp I” là nơi lắp đặt và vận hành các máy bơm nước, lấy nước từ nguồn nước để cung cấp cho quá trình xử lý nước thô thành nước sạch.

15. “Trạm bơm cấp II” là trạm bơm nước sạch từ trạm xử lý vào mạng lưới đường ống truyền tải.

16. “Nhà máy nước” là nơi tiếp nhận và xử lý nước thô từ trạm bơm nước thô nhằm sản xuất nước sạch, đạt tiêu chuẩn vệ sinh theo quy định.

17. “Đài nước”, “bể chứa nước” là nơi chứa nước sạch để điều hòa lưu lượng và áp lực cho mạng lưới cấp nước.

18. “Trạm bơm tăng áp” là trạm bơm nước thực hiện chức năng tăng áp lực và lưu lượng nước cung cấp cho những khu vực có áp lực nước yếu hoặc thiếu nước.

19. “Hố van” là nơi chứa các van, khóa và các thiết bị của mạng lưới cấp nước. Để doanh nghiệp cấp nước kiểm tra theo định kỳ hoặc đột xuất nhằm phát hiện và khắc phục kịp thời các sự cố trên đường ống.

20. “Các công trình cấp nước phụ trợ khác” là các công trình cấp nước còn lại, được sử dụng vào mục đích khai thác, xử lý và cung cấp nước máy.

21. “Phương pháp giả định” là phương pháp tính trung bình cộng lượng nước khách hàng đã sử dụng trong ba kỳ hóa đơn liền trước đó.

22. “Kỳ hóa đơn” là lần thanh toán tiền nước của khách hàng cho một tháng dùng nước hoặc cho thời gian sử dụng trước đó.

Chương II

CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG NƯỚC

Mục 1

CUNG CẤP NƯỚC

Điều 5. Quyền của doanh nghiệp cấp nước

1. Yêu cầu tổ chức, cá nhân sử dụng nước đúng mục đích và thực hiện các nghĩa vụ trong hợp đồng cung cấp và sử dụng nước.

2. Đề nghị tổ chức, cá nhân có biện pháp khắc phục hậu quả hoặc bồi thường thiệt hại (nếu có) do hành vi vi phạm hợp đồng hoặc vi phạm quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân.

Điều 6. Trách nhiệm của doanh nghiệp cấp nước

1. Bảo đảm nguồn nước cung cấp liên tục và đúng tiêu chuẩn chất lượng vệ sinh do Nhà nước quy định cho nhu cầu sử dụng của khách hàng. Nếu có sự cố dẫn đến cung cấp nước không đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng theo quy định của Nhà nước thì doanh nghiệp cấp nước phải khắc phục kịp thời trong thời gian không quá 24 giờ kể từ lúc xảy ra sự việc, bồi thường thiệt hại cho khách hàng (nếu có) và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu gây ảnh hưởng tới sức khỏe khách hàng sử dụng nước.

2. Phối hợp với trung tâm y tế dự phòng Tỉnh kiểm tra định kỳ chất lượng nguồn nước thô cũng như nước sạch (tại vị trí trạm xử lý và vị trí cuối hệ thống phân phối, ...) theo quy định của Bộ Y Tế. Nếu có hiện tượng bất thường hoặc nước không đảm bảo chất lượng phải có biện pháp giải quyết ngay.

3. Phối hợp với các cơ quan chức năng, UBND thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh, các Huyện, UBND phường, xã để bảo vệ sự an toàn tuyệt đối các công trình cấp nước và các khu vực hành lang an toàn của các công trình cấp nước do doanh nghiệp quản lý. Có biện pháp phát hiện và khắc phục kịp thời các sự cố trên công trình cấp nước.

4. Quản lý đề khai thác, cải tạo và sửa chữa toàn bộ hệ thống cấp nước do doanh nghiệp quản lý theo kế hoạch hoặc khi cần thiết.

Điều 7. Lắp đặt đồng hồ nước

Doanh nghiệp cấp nước thực hiện việc lắp đặt đồng hồ nước theo yêu cầu của khách hàng tại những địa điểm nằm trong phạm vi đã có mạng lưới cấp nước và không có tranh chấp về quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng địa điểm theo cam kết của khách hàng.

Tại các điểm giao dịch với khách hàng, doanh nghiệp cấp nước phải niêm yết công khai các quy định về thủ tục giải quyết việc lắp đặt đồng hồ nước, quy trình tiếp nhận, giải quyết hoặc gửi trả hồ sơ.

Điều 8. Hồ sơ và thời hạn lắp đặt đồng hồ nước

1. Hồ sơ lắp đặt đồng hồ nước bao gồm :

a/ Phiếu yêu cầu lắp đặt đồng hồ nước (theo mẫu);

b/ Giấy tờ hợp lệ về nhà đất theo quy định. Trường hợp không có giấy tờ hợp lệ trên thì phải có giấy xác nhận về nhà đất của Ủy ban nhân dân Phường, Xã, Thị trấn.

2. Thời gian giải quyết việc lắp đặt đồng hồ nước là 15 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của khách hàng (không tính thời gian xin phép đào đường hoặc thời gian khắc phục trở ngại khách quan trong thi công).

Điều 9. Chi phí lắp đặt ống chính, ống nhánh và đồng hồ nước

1. Chi phí lắp đặt ống chính:

a/ Doanh nghiệp cấp nước chịu chi phí lắp đặt ống chính;

b/ Trường hợp doanh nghiệp cấp nước chưa có kế hoạch đầu tư, hoặc chưa có kinh phí, hoặc kinh phí chưa đủ để lắp đặt ống chính mà khách hàng có nhu cầu thì có thể thực hiện theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp cấp nước và khách hàng; có thể bằng các hình thức sau: khách hàng cho doanh nghiệp vay và hoàn trả dần theo thỏa thuận, khấu trừ tiền sử dụng nước ...

c/ Trường hợp khách hàng tự đầu tư lắp đặt đường ống chính (nhưng phải có sự đồng ý của doanh nghiệp cấp nước và phù hợp với quy định kỹ thuật của ngành cấp nước) ở những khu vực chưa có đường ống chính của doanh nghiệp cấp nước thì khách hàng có quyền và nghĩa vụ sau:

- Được quyền thu lại một phần chi phí bằng cách chia sẻ với những khách hàng mới lắp đặt ống nhánh vào ống chính mà họ đã tự đầu tư trong thời hạn 05 năm kể từ ngày lắp đặt đường ống chính. Chi phí này được tính toán và thỏa thuận với các khách hàng mới trên cơ sở các chi phí hợp lý đã thực tế đầu tư. Việc lắp đặt ống nhánh của các khách hàng mới này tuân theo các quy định chung.

- Sau thời hạn trên toàn bộ quyền quản lý, sử dụng đường ống chính này thuộc về doanh nghiệp cấp nước.

d/ Đối với những khu vực nằm quá xa nguồn cung cấp nước của doanh nghiệp cấp nước và doanh nghiệp cấp nước chưa có kế hoạch đầu tư để lắp đặt đường ống chính mà khách hàng có nhu cầu thì khuyến khích khách hàng đầu tư để lắp đặt đường ống chính theo thỏa thuận với doanh nghiệp cấp nước.

2. Chi phí lắp đặt ống nhánh và đồng hồ nước

Khách hàng dùng nước chịu chi phí lắp đặt ống nhánh và đồng hồ nước. Chi phí này khách hàng thanh toán cho doanh nghiệp cấp nước theo bảng chiết tính của doanh nghiệp cấp nước căn cứ đơn giá xây dựng cơ bản hoặc đơn giá khoán của UBND Tỉnh Đồng Nai và các quy định, hướng dẫn hiện hành của Bộ Xây Dựng.

Điều 10. Cấp nước cho khu dân cư, khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ

Tùy từng trường hợp cụ thể, doanh nghiệp cấp nước và chủ đầu tư các dự án có thể lựa chọn 1 trong 2 phương thức cung cấp nước sau đây:

1. Doanh nghiệp cấp nước thực hiện việc quản lý, cung cấp nước qua đồng hồ tổng. Việc đầu tư, quản lý, sửa chữa, bảo dưỡng, phân phối nước bên trong khu dân cư, khu đô thị mới, khu chung cư, khu công nghiệp, khu thương mại-dịch vụ sẽ do đơn vị chủ đầu tư các dự án này thực hiện. Doanh nghiệp cấp nước sẽ đầu tư đường ống chính tới đồng hồ tổng.

2. Doanh nghiệp cấp nước thực hiện việc quản lý, cung cấp nước đến đồng hồ nước của từng hộ dân, từng doanh nghiệp. Doanh nghiệp cấp nước sẽ chịu trách nhiệm đầu tư đường ống chính tới chân hàng rào của dự án. Việc đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước trong phạm vi dự án (bao gồm thiết kế, thi công, giám sát) do chủ đầu tư chịu trách nhiệm và phải được thỏa thuận trước với doanh nghiệp cấp nước để đảm bảo về mặt kỹ thuật.

Trong mọi trường hợp cần phải có sự thỏa thuận bằng văn bản về phương thức cung cấp nước giữa doanh nghiệp cấp nước và chủ đầu tư dự án.

Điều 11. Xã hội hóa dịch vụ cấp nước sạch

Nhà nước khuyến khích công tác xã hội hóa dịch vụ cấp nước sạch. Công tác xã hội hóa dịch vụ cấp nước sạch được thực hiện theo các hình thức sau:

1. Nhà đầu tư đầu tư vốn xây dựng hệ thống cấp nước: tự tổ chức hoạt động kinh doanh hoặc hợp đồng bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng với doanh nghiệp cấp nước tại các khu vực chưa có hệ thống cấp nước.

2. Nhà đầu tư bỏ vốn xây dựng trạm khai thác, xử lý nước, hợp đồng bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng với doanh nghiệp cấp nước tại khu vực đã có tuyến ống cấp nước nhưng không có nước hoặc áp lực nước yếu.

3. Nhà đầu tư ký hợp đồng với doanh nghiệp cấp nước để đầu tư vốn cải tạo một khu vực hoặc toàn bộ tuyến ống cấp nước, kết hợp với việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới để hạ tỷ lệ thất thoát nước.

4. Nhà đầu tư ký hợp đồng với doanh nghiệp cấp nước để đầu tư vốn áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới để cải tạo, nâng công suất, tăng sản lượng nước sạch của nhà máy nước.

5. Nhà đầu tư tiếp nhận hệ thống mạng phân phối cấp nước do nhà nước đầu tư hoặc đầu tư vốn xây dựng mạng phân phối cấp nước tại khu vực chưa có mạng phân phối cấp nước, hợp đồng mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng với doanh nghiệp cấp nước và tự tổ chức hoạt động kinh doanh.

Giao Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng quy chế xã hội hóa dịch vụ cấp nước sạch trên địa bàn Tỉnh trình Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành.

Điều 12. Cung cấp nước phòng cháy, chữa cháy

1. Trụ cấp nước phòng cháy, chữa cháy (trụ cứu hoả) công cộng được sơn màu đỏ do doanh nghiệp cấp nước lắp đặt, quản lý trong phạm vi mạng lưới cấp nước và được sử dụng vào mục đích PCCC, quản lý vận hành đường ống cấp nước.

2. Chỉ có cơ quan PCCC và doanh nghiệp cấp nước quản lý đường ống cấp nước có trụ cứu hoả mới được sử dụng trụ cứu hoả cho mục đích phòng cháy chữa cháy và duy tu bảo dưỡng, xúc rửa kiểm tra trụ cứu hoả. Cơ quan PCCC chỉ được lấy nước ở các trụ cứu hoả cho mục đích PCCC, diễn tập PCCC; không được lấy nước từ trụ cứu hoả sử dụng cho mục đích khác.

3. Chi phí sử dụng nước PCCC do cơ quan PCCC chịu trách nhiệm thanh toán cho doanh nghiệp cấp nước.

4. Nghiêm cấm hành vi tự ý đục phá, di dời, nâng hạ, thay đổi hoặc gây hư hại cho trụ cấp nước PCCC công cộng.

Điều 13. Tạm ngừng cung cấp nước

Doanh nghiệp cấp nước được tạm ngừng cung cấp nước trong các trường hợp sau :

1. Vì lý do thiên tai, địch họa hoặc do hệ thống cấp nước bị sự cố, hư hỏng đột xuất.

2. Sửa chữa, cải tạo hệ thống cấp nước theo kế hoạch hàng năm. Doanh nghiệp cấp nước phải có trách nhiệm thông báo cho khách hàng trước 24 giờ trên các phương tiện thông tin đại chúng. Nếu việc sửa chữa kéo dài trên 24 giờ thì doanh nghiệp cấp nước phải có phương án tạm cung cấp nước bằng xe bồn cho những khách hàng sử dụng nước có nhu cầu lớn và chủ yếu như trường học, bệnh viện, cơ quan nhà nước.

3. Do khách hàng vi phạm quy định sử dụng, thanh toán tiền nước và doanh nghiệp cấp nước đã có văn bản thông báo về nội dung vi phạm của khách hàng.

4. Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc cưỡng chế hành chính đối với các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình ... có hành vi vi phạm pháp luật.

5. Khách hàng không sử dụng nước quá 03 tháng mà không báo cho doanh nghiệp cấp nước.

Điều 14. Cung cấp nước lại sau khi tạm ngừng cấp nước

Doanh nghiệp cấp nước phải cung cấp nước lại sau khi các lý do tạm ngừng cấp nước nêu ở Khoản 1 và 2 Điều 13 đã được khắc phục. Các trường hợp được nêu tại Khoản 3, 4 và 5 Điều 13 thì khách hàng phải thanh toán các chi phí theo bảng chiết tính của doanh nghiệp cấp nước trước khi cung cấp nước lại.

Mục 2

ĐỒNG HỒ NƯỚC

Điều 15. Bảo quản đồng hồ nước

Khách hàng có trách nhiệm bảo quản đồng hồ nước và dây chì niêm phong. Nghiêm cấm các hành vi tự ý đục phá, xê dịch vị trí, nâng hạ, sửa chữa, thay đổi cỡ, loại, hoặc bất cứ hành vi nào gây hư hại cho đồng hồ nước và ống nhánh hiện hữu.

Nghiêm cấm hành vi tự ý tháo gỡ dây chì niêm đồng hồ, điều chỉnh đồng hồ nước hoặc bất cứ hành vi nào khác nhằm mục đích gian lận lượng nước sử dụng.

Điều 16. Thay đồng hồ nước

1. Trường hợp mất đồng hồ nước, hư hỏng đồng hồ nước hoặc niêm chì bị đứt do lỗi của khách hàng, doanh nghiệp cấp nước sẽ thay đồng hồ nước khác hoặc bấm chì niêm đồng hồ lại, toàn bộ chi phí phát sinh do khách hàng thanh toán theo bảng chiết tính của doanh nghiệp cấp nước.

2. Trường hợp vì lý do khách quan mà đồng hồ nước bị hư hỏng hoặc niêm chì bị đứt, khách hàng phải thông báo ngay cho doanh nghiệp cấp nước biết để tiến hành kiểm tra, bấm chì hoặc thay đồng hồ nước khác. Chi phí này do doanh nghiệp cấp nước thanh toán.

3. Doanh nghiệp cấp nước có trách nhiệm thay đồng hồ nước miễn phí cho khách hàng khi đồng hồ nước không đọc được chỉ số, bị hư hỏng ngưng hoạt động, kính mờ... hoặc đến kỳ hạn phải thay thế tùy theo cỡ và chủng loại đồng hồ nước được thỏa thuận lắp đặt trong hợp đồng cung cấp và sử dụng nước.

Điều 17. Kiểm tra, kiểm định đồng hồ nước

1. Khách hàng có quyền yêu cầu doanh nghiệp cấp nước hoặc đơn vị có tư cách pháp nhân kiểm tra, kiểm định đồng hồ khi nghi ngờ đồng hồ nước chạy không chính xác. Đồng hồ nước vẫn được xem là chạy chính xác nếu kết quả kiểm tra, kiểm định sai số không vượt quá $\pm 5\%$ so với lượng nước thực tế qua đồng hồ nước.

2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của khách hàng, doanh nghiệp cấp nước phải tiến hành kiểm tra hoặc kiểm định đồng hồ nước. Việc kiểm tra, kiểm định đồng hồ nước phải có sự chứng kiến của khách hàng và được lập biên bản ghi rõ nội dung sự việc. Biên bản được lập 02 bản, doanh nghiệp cấp nước giữ 01 bản, khách hàng giữ 01 bản.

Kết quả kiểm tra hoặc kiểm định đồng hồ nước được giải quyết theo các hướng sau đây :

a/ Nếu độ sai số của đồng hồ nước vẫn nằm trong giới hạn cho phép, khách hàng yêu cầu kiểm tra hoặc kiểm định phải chịu chi phí kiểm tra hoặc kiểm định;

b/ Nếu sai số vượt quá giới hạn cho phép, khách hàng yêu cầu kiểm tra, kiểm định không phải thanh toán chi phí kiểm tra, kiểm định đồng hồ.

Nếu đồng hồ nước chạy nhanh vượt quá giới hạn sai số cho phép thì doanh nghiệp cấp nước phải thay đồng hồ nước mới cho khách hàng. Đồng thời phải hoàn trả cho khách hàng số tiền nước đã thu tương ứng với sai số lượng nước chạy nhanh (theo kết quả kiểm định) trong kỳ hóa đơn khách hàng có yêu cầu kiểm định đồng hồ nước.

Nếu đồng hồ nước chạy chậm vượt quá giới hạn sai số cho phép thì doanh nghiệp cấp nước phải thay đồng hồ nước cho khách hàng và khách hàng không phải thanh toán thêm cho doanh nghiệp cấp nước số tiền tương ứng với lượng nước do đồng hồ chạy chậm.

3. Khách hàng không phải thanh toán tiền thay đồng hồ nước do đồng hồ nước chạy vượt quá giới hạn cho phép.

Điều 18. Ghi không đúng chỉ số đồng hồ nước

1. Trường hợp đồng hồ nước bị hư hỏng thì lượng nước sử dụng tính theo "phương pháp giả định" quy định tại khoản 21 Điều 4, nhưng việc tính theo phương pháp giả định này không được kéo dài quá 02 kỳ hóa đơn liên tiếp. Doanh nghiệp cấp nước phải có trách nhiệm thay đồng hồ nước mới cho khách hàng.

2. Trường hợp doanh nghiệp cấp nước không thể ghi được chỉ số đồng hồ nước như: nhà vắng chủ, không thể mở được ổ khóa hộp bảo vệ đồng hồ nước, đồng hồ nước bị che lấp không đọc được chỉ số... thì lượng nước sử dụng trong kỳ hóa đơn được tính theo “phương pháp giả định” quy định tại khoản 21 Điều 4, nhưng không được kéo dài quá hai kỳ hóa đơn liên tiếp. Doanh nghiệp cấp nước phải thông báo cho chủ nhà, chủ động phối hợp với UBND phường, xã, thị trấn để cùng tác động đến khách hàng nhằm khắc phục và đọc được chỉ số đồng hồ nước.

Mục 3

HỆ THỐNG ỐNG NHÁNH VÀ ỐNG DẪN NƯỚC SAU ĐỒNG HỒ NƯỚC

Điều 19. Bảo quản hệ thống ống nhánh

1. Khách hàng có trách nhiệm cùng doanh nghiệp cấp nước bảo vệ hệ thống ống nhánh dẫn nước trước đồng hồ.
2. Nghiêm cấm các hành vi xê dịch vị trí, nâng, hạ, sửa chữa, thay đổi hệ thống ống nhánh hoặc bất cứ hành vi nào làm hư hỏng hệ thống ống nhánh.
3. Nghiêm cấm mọi hành vi đục ống lấy nước.
4. Trường hợp phát hiện sự rò rỉ nước từ ống nhánh, khách hàng phải báo ngay cho doanh nghiệp cấp nước.

Điều 20. Thay đổi hệ thống ống nhánh

1. Việc thay đổi hệ thống ống nhánh thuộc hệ thống cấp nước do doanh nghiệp cấp nước quản lý phải được doanh nghiệp cấp nước thực hiện và trong những trường hợp sau :

a/ Để phù hợp với nhu cầu xây dựng, quy hoạch các công trình đô thị như: nhà, đường, cầu cống, công trình thoát nước, điện lực, bưu chính viễn thông, công trình chỉnh trang đô thị ... theo dự án xây dựng, quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b/ Thay đổi hệ thống cấp nước theo yêu cầu của khách hàng.

2. Trường hợp thực hiện theo yêu cầu của khách hàng thì khách hàng có nghĩa vụ thanh toán chi phí theo bảng chiết tính của doanh nghiệp cấp nước.

Điều 21. Hệ thống ống dẫn nước sau đồng hồ

1. Hệ thống ống dẫn nước sau đồng hồ do khách hàng tự thiết kế, lắp đặt. Doanh nghiệp cấp nước không có trách nhiệm lắp đặt, sửa chữa, cải tạo hệ thống ống dẫn nước sau đồng hồ nước. Khách hàng chịu trách nhiệm về khối lượng nước thất thoát, rò rỉ sau đồng hồ nước.

2. Trường hợp có bể nước trên cao thì không được nối liền hệ thống sử dụng nước từ bể nước trên cao vào hệ thống cấp nước trực tiếp sau đồng hồ nước, mà chỉ đầu nước từ bể nước trên cao xuống các thiết bị dùng nước trong nhà để sử dụng.

3. Không được đầu chung nguồn nước giếng đào, khoan với nguồn nước do doanh nghiệp cấp nước cung cấp.

4. Trường hợp có 02 hay nhiều đồng hồ nước sử dụng nguồn nước do doanh nghiệp cấp nước cung cấp thì hệ thống ống nước của từng đồng hồ nước trong một nhà phải độc lập, không được nối chung nhau. Mỗi căn hộ gia đình chỉ được gắn 01 đồng hồ nước; nếu có nhiều đồng hồ nước thì áp dụng tính giá khác nhau cho các mục đích sử dụng khác nhau như sinh hoạt, sản xuất...

5. Không được dùng máy bơm hút nước trực tiếp từ đường ống có nguồn nước do doanh nghiệp cấp nước cung cấp. Chỉ được dùng máy bơm hút nước từ bể chứa nước trong nhà để sử dụng.

6. Không được lắp đặt, sử dụng các loại ống dẫn nước có chất chì, chất độc hại hoặc chất có khả năng gây bệnh.

Điều 22. Kiểm tra hệ thống ống dẫn nước sau đồng hồ nước

Trường hợp xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của khách hàng, doanh nghiệp cấp nước có trách nhiệm cử nhân viên kiểm tra đồng hồ nước và hệ thống ống dẫn nước sau đồng hồ nước của khách hàng. Khách hàng phải tạo điều kiện cho nhân viên doanh nghiệp cấp nước thực hiện kiểm tra. Nhân viên doanh nghiệp cấp nước phải xuất trình thẻ cán bộ - công nhân viên và giấy công tác trước khi tiến hành kiểm tra.

Mục 4

SỬ DỤNG VÀ THANH TOÁN TIỀN NƯỚC

Điều 23. Trách nhiệm của khách hàng

1. Sử dụng nước tiết kiệm, đúng mục đích đã thỏa thuận trong hợp đồng cung cấp và sử dụng nước đã ký kết với doanh nghiệp cấp nước và theo quy định này.

2. Bảo vệ các công trình cấp nước, hành lang và khu vực an toàn công trình cấp nước, không gây trở ngại cho việc quản lý và khai thác đường ống nước.

3. Thanh toán kịp thời và đầy đủ các chi phí cho việc cung cấp nước cho khách hàng theo bảng chiết tính của doanh nghiệp cấp nước.

4. Trường hợp cần tạm ngừng sử dụng nước trong một thời gian, khách hàng có thể tạm khóa nước phía sau đồng hồ và có trách nhiệm thông báo ngay cho doanh nghiệp cấp nước biết để chính thức khóa nước, niêm chì hoặc gỡ đồng hồ nước. Nếu khách hàng không thông báo cho doanh nghiệp cấp nước, doanh nghiệp cấp nước vẫn ghi số nước sử dụng theo phương pháp giả định được quy định tại khoản 21 Điều 4 của quy định này.

5. Thông báo kịp thời cho doanh nghiệp cấp nước về các vấn đề liên quan đến việc cung cấp và sử dụng nước để xử lý và trả lời theo thẩm quyền.

6. Khi trong khu vực đã có tuyến ống cấp nước của doanh nghiệp cấp nước thì các đối tượng sử dụng nước (các hộ dân, các đơn vị sản xuất, kinh doanh trong nước và nước ngoài...) phải sử dụng nước của doanh nghiệp cấp nước, không được khoan hay đào giếng. Trường hợp đang sử dụng giếng thì chỉ được sử dụng đến hết thời hạn của giấy phép lần đó và thực hiện lấp giếng khoan theo quy trình quy phạm.

Điều 24. Định mức nước sử dụng

1. Định mức nước sử dụng cho đối tượng hộ gia đình, cơ quan hành chính sự nghiệp, đoàn thể theo quy định của UBND Tỉnh Đồng Nai. Lượng nước sử dụng vượt định mức được tính theo giá nước quy định của UBND Tỉnh Đồng Nai.

2. Trường hợp khách hàng sử dụng nước không chỉ cho sinh hoạt mà còn cho sản xuất, kinh doanh hoặc mục đích khác thì lượng nước sử dụng vượt định mức sẽ được tính theo giá tương ứng với các mục đích sử dụng thực tế.

3. Trường hợp các hộ sử dụng đồng hồ phụ qua đồng hồ chính (khách hàng) có đăng ký với doanh nghiệp cấp nước thì được hưởng mức giá theo quy định.

Điều 25. Cách tính lượng nước sử dụng

1. Lượng nước sử dụng bằng hiệu số của chỉ số đồng hồ giữa hai kỳ đọc. Đơn vị để tính lượng nước sử dụng là mét khối (m^3). Mỗi tháng đọc chỉ số đồng hồ nước một lần.

2. Khách hàng phải tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhân viên doanh nghiệp cấp nước đọc và ghi chỉ số nước, kiểm tra đồng hồ nước và tình hình sử dụng nước theo yêu cầu của công tác quản lý.

3. Nếu hệ thống dẫn nước sau đồng hồ bị hư, bể gây rò rỉ, thất thoát do khách hàng không quản lý tốt thì lượng nước thất thoát vẫn tính vào lượng nước sử dụng.

Điều 26. Thay đổi mục đích sử dụng nước

1. Khách hàng có nhu cầu thay đổi mục đích sử dụng nước đã đăng ký thì phải đăng ký lại hoặc đăng ký bổ sung với doanh nghiệp cấp nước để có cơ sở tính đúng giá nước phù hợp với mục đích sử dụng nước thực tế.

Trường hợp khách hàng sử dụng nước của doanh nghiệp cấp nước để bán lại cho đối tượng sử dụng khác thì phải đăng ký với doanh nghiệp cấp nước.

2. Trường hợp khách hàng thay đổi mục đích sử dụng nước mà không đăng ký với doanh nghiệp cấp nước theo quy định thì doanh nghiệp cấp nước tính tiền nước sử dụng theo mục đích sử dụng và truy thu (nếu có) kể từ ngày thay đổi mục đích sử dụng nước.

Điều 27. Đổi tên trong hợp đồng cung cấp và sử dụng nước

1. Trường hợp khách hàng chuyển giao bất động sản cho người khác như: chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế, mua bán... thì phải chuyển giao cả quyền sử dụng đồng hồ nước. Khách hàng sử dụng nước tiếp theo phải thanh toán các khoản nợ tồn đọng và ký kết lại hợp đồng cung cấp và sử dụng nước với doanh nghiệp cấp nước.

2. Doanh nghiệp cấp nước không giải quyết yêu cầu xin dời đồng hồ nước từ bất động sản mà khách hàng đã chuyển giao (hoặc dự định chuyển giao) sang một bất động sản hoặc một vị trí khác theo yêu cầu của khách hàng mà không có sự thỏa thuận với bên có liên quan.

3. Khi bất động sản được chia cho các đồng thừa kế hoặc các đồng sở hữu theo quy định của pháp luật thì doanh nghiệp cấp nước chỉ giải quyết yêu cầu dời đồng hồ nước sang phần bất động sản của khách hàng là người đứng tên trong hợp đồng cung cấp và sử dụng nước hoặc di dời đồng hồ nước sang

vị trí đã được khách hàng đứng tên trong hợp đồng cung cấp và sử dụng nước thỏa thuận với các bên có liên quan. Chi phí di dời do khách hàng thanh toán theo bảng chiết tính của doanh nghiệp cấp nước.

4. Sau khi được lắp đặt một đồng hồ nước cho một bất động sản, nếu bất động sản đó được phân chia cho nhiều chủ sử dụng thì mỗi người trong số họ đều có quyền sử dụng chung đồng hồ nước đã được lắp đặt cho đến khi được lắp đặt đồng hồ nước riêng.

Điều 28. Thanh toán tiền sử dụng nước

1. Khách hàng phải thanh toán đầy đủ tiền nước sử dụng khi nhận được hóa đơn tiền nước hoặc giấy báo nộp tiền. Có thể thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

2. Trường hợp khách hàng chưa thể thanh toán tiền nước ngay khi nhận giấy báo thì khách hàng phải đến thanh toán tiền nước tại địa điểm do doanh nghiệp cấp nước quy định trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được giấy báo. Sau thời gian này nếu khách hàng vẫn chưa thanh toán tiền nước thì doanh nghiệp cấp nước sẽ gửi giấy báo lần hai (lần cuối cùng). Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận giấy báo này khách hàng phải thanh toán. Quá thời hạn này khách hàng vẫn chưa thanh toán tiền nước, doanh nghiệp cấp nước tạm ngừng cung cấp nước cho đến khi khách hàng thanh toán đầy đủ tiền nước theo giấy báo và quy định tại Điều 14 của quy định này về cung cấp nước lại sau khi tạm ngừng cấp nước.

3. Những người dùng chung đồng hồ với khách hàng, khi có nhu cầu lắp đặt đồng hồ riêng thì phải thanh toán đầy đủ tiền nước sử dụng với khách hàng đó trước lúc lắp đặt đồng hồ riêng.

Điều 29. Xử lý vi phạm về thanh toán tiền nước

1. Trường hợp quá thời hạn quy định tại Điều 28 Quy Định này mà khách hàng vẫn chưa thanh toán tiền nước thì doanh nghiệp cấp nước có quyền tạm ngừng cung cấp nước. Khi có nhu cầu sử dụng nước trở lại, khách hàng phải thanh toán đầy đủ số tiền nước còn nợ cho doanh nghiệp cấp nước và chịu chi phí về việc đóng, mở nước, chi phí vật tư sử dụng và các chi phí khác (nếu có) theo bảng chiết tính của doanh nghiệp cấp nước.

2. Sau thời hạn 60 ngày, kể từ ngày ngừng cấp nước mà khách hàng vẫn không liên hệ với doanh nghiệp cấp nước để thanh toán tiền nước thì doanh nghiệp cấp nước có quyền hủy bỏ Hợp đồng cung cấp và sử dụng nước đã ký kết với khách hàng đồng thời phải thông báo ngay cho khách hàng biết về việc hủy bỏ Hợp đồng.

Khách hàng phải thanh toán tiền nước còn lại cho doanh nghiệp cấp nước.

Doanh nghiệp cấp nước có quyền khởi kiện, yêu cầu tòa án có thẩm quyền bảo vệ quyền lợi của mình.

Chương III

BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC, HÀNH LANG, KHU VỰC AN TOÀN VÀ CÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC

Điều 30. Đối với nguồn nước mặt

1. Nguồn nước mặt là nguồn nước sông, hồ. Phạm vi bảo vệ nguồn nước mặt được quy định như sau :

a/ Tính từ điểm lấy nước (công trình thu nước) lên thượng nguồn, từ 200m đến 500m;

b/ Tính từ điểm lấy nước (công trình thu nước) xuống hạ nguồn, từ 100m đến 200m;

c/ Đối với hồ chứa nước bằng phẳng, phạm vi bảo vệ là lưu vực;

d/ Đối với đập ngăn nước suối, phạm vi bảo vệ là lưu vực suối.

2. Trong khu vực bảo vệ nguồn nước mặt, nghiêm cấm những hành vi sau:

a/ Xây dựng bất cứ công trình nào trên bờ, trên mặt nước, dưới mặt nước (trừ các công trình phục vụ cho việc bơm nguồn nước mặt), làm ảnh hưởng tới chất lượng nước;

b/ Xả nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt, nước canh tác nông nghiệp chảy vào sông, hồ, suối;

c/ Neo đậu thuyền bè, xây dựng bến đò ngang, bến phà;

d/ Người và gia súc tắm giặt;

đ/ Sửa chữa, làm vệ sinh thiết bị, xe máy;

e/ Các hành vi khác gây ảnh hưởng đến phạm vi bảo vệ nguồn nước mặt.

Điều 31. Đối với khu vực an toàn giếng nước ngầm

1. Khu vực an toàn giếng nước ngầm là khoảng cách có bán kính được xác định theo quy định của tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXD 33:1985 và các quy định hiện hành.

2. Trong khu vực an toàn giếng nước ngầm phải tuân thủ những quy định sau :

a. Không được xây dựng bất cứ công trình nào (trừ các công trình phục vụ cho việc bảo vệ, khai thác giếng nước ngầm);

b. Cấm đào hố nước, hố rác, hố phân, hố vôi ...

c. Cấm phóng uế, đổ phân rác, chăn nuôi súc vật, trồng rau, hoa màu, cây có phân hóa học;

d. Phải xây dựng tường rào bảo vệ xung quanh giếng nước ngầm;

đ. Những khu vực cấm qua lại hoặc nguy hiểm phải có biển báo hiệu.

Điều 32. Đối với hành lang an toàn đường ống nước thô và đường ống truyền tải nước sạch

1. Hành lang an toàn đường ống nước thô được quy định cụ thể theo quyết định của cơ quan thẩm quyền đối với từng tuyến ống.

2. Hành lang an toàn đường ống truyền tải nước sạch được quy định cho từng cỡ ống theo quyết định của cơ quan thẩm quyền đối với từng tuyến ống.

3. Khoảng cách nhỏ nhất trên mặt bằng tính từ thành ống đến các công trình được quy định như sau:

a/ Đến chân taluy đường sắt là 5m;

b/ Đến mép mương hay mép đường là 2m;

c/ Đến đường dây điện thoại là 0.5m;

d/ Đến đường điện cao thế là 1m;

đ/ Đến chân cột điện đường phố là 1.5m;

e/ Đến trung tâm các hàng cây là 2m.

4. Trong hành lang an toàn đường ống nước phải có cột tim, cột biên, biển báo tải trọng, biển báo hiệu hành lang an toàn.

Trong hành lang an toàn, nghiêm cấm những hành vi sau:

a/ Xây dựng nhà cửa, lều quán, rào chắn, vật kiến trúc, kho tàng, bến bãi, biển quảng cáo hay bất cứ công trình nào (kể cả xây dựng tạm thời);

b/ Các loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe cơ giới chuyên dùng... có tải trọng vượt quá tải trọng chịu tải của đường ống theo quy định đồ, dừng lại. Muốn vượt qua phải làm cầu chịu tải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

c/ Xả rác, chất thải, đổ đất, đá, xả bẩn, vật liệu xây dựng;

d/ Đào bới, lấy đất đá.

Điều 33. Quy định đối với việc xây dựng các loại công trình khác có ảnh hưởng đến sự an toàn của công trình cấp nước

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân khi khảo sát, thiết kế, xây dựng các công trình khác có liên quan đến công trình cấp nước, hành lang và khu vực an toàn công trình cấp nước phải trực tiếp liên hệ, tham khảo ý kiến các doanh nghiệp cấp nước và tuân thủ quy định này.

2. Các công trình như nhà cửa, lều quán, vật kiến trúc, chuồng trại, bến bãi, kho tàng hay bất cứ công trình nào đã hoặc đang xây dựng nhưng vi phạm hành lang hoặc khu vực an toàn công trình cấp nước theo quy định tại Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Quy định này phải di dời hoặc giải tỏa theo đề nghị của cơ quan chức năng.

3. Mọi cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khi thi công các công trình có ảnh hưởng đến hành lang, khu vực an toàn công trình cấp nước phải tuân theo các quy định sau:

a/ Có giấy phép xây dựng của cơ quan có thẩm quyền;

b/ Trực tiếp liên hệ, tham khảo ý kiến các doanh nghiệp cấp nước có liên quan về việc thi công;

c/ Chỉ được khởi công khi đã thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn cho các công trình cấp nước có liên quan;

d/ Khôi phục lại nguyên trạng các khu vực đã bị thay đổi sau khi hoàn thành công việc.

Điều 34. Bảo vệ nhà máy nước, trạm bơm tăng áp, đài nước

1. Doanh nghiệp cấp nước phải xây dựng tường rào bảo vệ khuôn viên nhà máy nước, khu xử lý nước, trạm bơm tăng áp.

2. Doanh nghiệp cấp nước phải thực hiện nghiêm ngặt chế độ đảm bảo vệ sinh môi trường trong khuôn viên nhà máy nước, khu vực xử lý nước, trạm bơm tăng áp. Nghiêm cấm mọi hành vi gây ô nhiễm, mất vệ sinh hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm khu vực xử lý nước.

3. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm đến sự an toàn, vệ sinh của nhà máy nước, khu vực xử lý nước, trạm bơm tăng áp.

Điều 35. Bảo vệ mạng lưới cấp nước

1. Nghiêm cấm tự ý đục phá đường ống nước để lấy nước, tháo mở lấy cấp các phụ kiện, thiết bị được lắp đặt trên hệ thống cấp nước hoặc các hành vi gây hư hại cho mạng lưới đường ống.

2. Nghiêm cấm tự ý di dời, nâng, hạ, thay đổi kích cỡ, chủng loại đường ống tính từ đồng hồ trở ra.

3. Nghiêm cấm tự ý đấu nối đường ống dẫn nước trước đồng hồ nước để lấy nước sử dụng.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ mạng lưới cấp nước an toàn phục vụ cho việc cấp nước và sử dụng nước. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khi thi công các công trình làm ảnh hưởng đến công trình và mạng lưới cấp nước phải chịu mọi phí tổn về mặt sửa chữa, khắc phục hậu quả gây thiệt hại đến công trình cấp nước.

Điều 36. Bảo vệ hố van

Nghiêm cấm hành vi tự ý đục phá, mở nắp hố van, tự ý lấy các thiết bị phụ kiện được gắn trong hố van và các hành vi khác làm hư hại hoặc làm ảnh hưởng tới sự vận hành an toàn của hố van.

Điều 37. Bảo vệ các công trình cấp nước phụ trợ khác

Nghiêm cấm hành vi tự ý đục phá, di dời, thay đổi, tháo gỡ, lấy cấp, điều chỉnh hoặc các hành vi gây hư hại cho các công trình cấp nước phụ trợ, các thiết bị đi kèm các công trình cấp nước này.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC

Điều 38. Sở Xây dựng

1. Phối hợp với UBND các Huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, các cơ quan thông tin đại chúng phổ biến, tuyên truyền việc thực hiện quy định của UBND tỉnh về việc bảo vệ công trình cấp nước.
2. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chuyên ngành. Tiến hành kiểm tra, giám sát nhằm kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi xâm phạm công trình cấp nước, hành lang và khu vực an toàn công trình cấp nước để xử lý vi phạm hành chính hoặc đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự.
3. Chỉ đạo doanh nghiệp cấp nước nhanh chóng giải quyết các sự cố nhằm đảm bảo cung cấp nước được liên tục.
4. Chủ trì việc hướng dẫn các cấp, các ngành, các doanh nghiệp cấp nước thực hiện quy định này.
5. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch cấp nước và văn bản quy phạm pháp luật trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 39. Doanh nghiệp cấp nước

1. Quản lý và trực tiếp chịu trách nhiệm về các công trình cấp nước thuộc doanh nghiệp. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện các hành vi xâm phạm công trình cấp nước, hành lang và khu vực an toàn các công trình cấp nước để kiến nghị các cơ quan nhà nước xử lý theo pháp luật.
2. Tổ chức tiếp nhận các thông tin của khách hàng về các vấn đề liên quan đến việc cung cấp và sử dụng nước để xử lý và trả lời theo thẩm quyền. Khi tiếp nhận các thông tin về sự cố đường ống nước, công trình cấp nước, phải nhanh chóng thực hiện các biện pháp khắc phục để đảm bảo việc cấp nước được liên tục, an toàn, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của khách hàng.
3. Phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành cắm mốc, cột tim, cột biên, biển báo tải trọng và thực hiện các biện pháp khác nhằm bảo vệ hành lang an toàn đường ống nước, khu vực an toàn các công trình cấp nước đã được xác định trong từng điều kiện, hoàn cảnh cụ thể.
4. Xây dựng tường rào bảo vệ các công trình cấp nước trong phạm vi, giới hạn quy định.

5. Phối hợp với các cơ quan chức năng, địa phương nơi có đường ống nước, công trình cấp nước tiến hành các biện pháp bảo vệ các công trình cấp nước thuộc phạm vi quản lý.

6. Phối hợp với các cơ quan chức năng, xác định, kiến nghị, công bố vấn đề tải trọng, hành lang an toàn đường ống nước, khu vực an toàn các công trình cấp nước chưa được xác định trong từng điều kiện cụ thể.

7. Căn cứ Quy Định này và các quy định của pháp luật, soạn thảo và ký kết Hợp đồng cung cấp và sử dụng nước với khách hàng.

8. Định kỳ báo cáo tình hình hoạt động, sản xuất và cung cấp nước của doanh nghiệp cho Sở Xây Dựng theo luật định.

Điều 40. UBND thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh và các Huyện

1. Tổ chức phổ biến, tuyên truyền việc thực hiện quy định của UBND Tỉnh về bảo vệ công trình cấp nước tại địa phương.

2. Phối hợp với Sở Xây Dựng, các doanh nghiệp cấp nước và các cơ quan, ban, ngành liên quan bảo vệ công trình cấp nước tại địa phương.

3. Tổ chức công tác kiểm tra, giám sát nhằm kịp thời phát hiện các hành vi xâm phạm công trình cấp nước, hành lang an toàn công trình cấp nước để xử lý theo thẩm quyền quy định.

4. Chỉ đạo các UBND phường, xã, thị trấn trực thuộc hỗ trợ, phối hợp với các doanh nghiệp cấp nước kịp thời giải quyết các sự cố về đường ống nước, công trình cấp nước... nhằm đảm bảo cung cấp nước liên tục và trật tự an toàn xã hội.

Điều 41. Trách nhiệm của các cơ quan, ban, ngành

Các cơ quan, ban, ngành của Tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình tổ chức thực hiện bảo vệ công trình cấp nước, hành lang và khu vực an toàn công trình cấp nước. Đồng thời hỗ trợ, phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng có liên quan khác để thực hiện tốt quy định này.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 42. Hình thức và mức xử phạt các hành vi vi phạm hành chính về quản lý công trình hạ tầng đô thị

Thực hiện theo Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26 tháng 05 năm 2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà (từ Điều 25 đến Điều 29).

Điều 43. Xử lý các hành vi vi phạm khác

1. Tổ chức, cá nhân cấp giấy phép xây dựng vi phạm hành lang, khu vực an toàn công trình cấp nước phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi cấp giấy phép và bồi thường thiệt hại (nếu có).

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi gian lận lượng nước sử dụng thì sẽ bị doanh nghiệp cấp nước tạm ngừng cấp nước để truy thu tiền nước căn cứ vào lượng nước sử dụng và giá nước theo quy định trong từng thời kỳ.

Nếu khách hàng không thanh toán tiền nước truy thu thì hồ sơ được chuyển sang cơ quan chức năng để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân có hành vi cản trở việc quản lý và khai thác đường ống nước của doanh nghiệp cấp nước thì phải bồi thường thiệt hại xảy ra (nếu có).

4. Tổ chức, cá nhân (gồm cả cán bộ công nhân viên của doanh nghiệp cấp nước) không hoàn thành nhiệm vụ được phân công theo quy định này hoặc có hành vi vi phạm hay sách nhiễu, bao che vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Khen thưởng

Cá nhân, tổ chức có thành tích trong việc bảo vệ, phát hiện, thông báo ngăn chặn hành vi xâm phạm công trình cấp nước, hành lang và khu vực an toàn công trình cấp nước sẽ được đề xuất biểu dương khen thưởng theo quy định của nhà nước.

Điều 45. Giải quyết khiếu nại

1. Khách hàng có quyền khiếu nại với các doanh nghiệp cấp nước đã tính toán không chính xác lượng nước sử dụng hoặc số tiền nước phải trả hoặc các

hành vi khác vi phạm các điều khoản trong hợp đồng cung cấp nước, xâm phạm đến lợi ích của khách hàng.

2. Doanh nghiệp cấp nước có trách nhiệm giải quyết khiếu nại của khách hàng. Khi hai bên không đạt được thỏa thuận hoặc khách hàng không đồng tình với cách giải quyết của doanh nghiệp cấp nước thì khách hàng có quyền yêu cầu tòa án giải quyết.

Điều 46. Giải quyết tố cáo

1. Khách hàng có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm quy định về nhiệm vụ, công vụ của nhân viên doanh nghiệp cấp nước.

2. Doanh nghiệp cấp nước có trách nhiệm giải quyết tố cáo của khách hàng hoặc chuyển cơ quan chức năng giải quyết theo quy định của luật khiếu nại, tố cáo.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 47. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

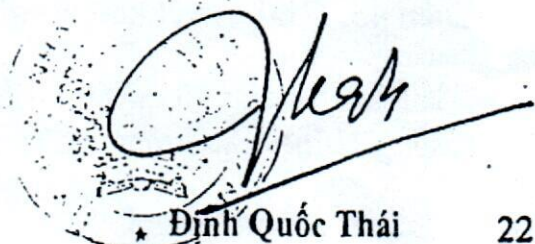
Điều 48. Trách nhiệm hướng dẫn và thi hành

1. Giám đốc Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên – Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh, các Huyện, Giám đốc các Doanh nghiệp cấp nước và các cơ quan, ban, ngành có liên quan, căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thi hành quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh cần kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, trình UBND Tỉnh sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện quy định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đinh Quốc Thái